

Bắc Quang, ngày 23 tháng 8 năm 2019

Số: 132/2019/QĐST - HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lăng Thị H, sinh năm 1982; dân tộc: Tày.

Bị đơn: Anh Bé Văn T, sinh năm 1981; dân tộc: Tày.

Cùng cư trú tại: Thôn L, xã H, huyện Q, tỉnh G.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107; 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lăng Thị H và anh Bé Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Lăng Thị H và anh Bé Văn T thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh Bé Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bé Thị L, sinh ngày: 06/3/2004 và cháu Bé Xuân C, sinh ngày: 16/4/2011 cho đến khi cháu L và cháu C đủ 18 tuổi. Chị Lăng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bé Thị L cho anh Bé Văn T với mức 1.000.000^d (Một triệu đồng)/tháng đến khi cháu L đủ 18 tuổi, phương thức cấp

dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2019, đến ngày 25 hàng tháng chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng xong.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh T và chị H có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lăng Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm lý hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 03/6/2019 theo biên lai số 0000768; anh T không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKS ND tỉnh Hà Giang;
- VKS ND huyện Bắc Quang;
- UBND xã H, huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Tuấn Vĩnh

